

KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC, ĐẢM BẢO DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ĐOÀN THỊ MINH OANH*

1. Yêu cầu khách quan về kiểm soát quyền lực nhà nước

Trên nền tảng kinh tế-xã hội tạo lập sau hơn 25 năm đổi mới, bước đầu Việt Nam đã xác lập được những phương thức, phương tiện cơ bản, chính yếu để phát triển đất nước theo hướng văn minh, tiến bộ, phù hợp với yêu cầu và những giá trị phổ quát của thời đại ngày nay, đó là: Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhà nước pháp quyền, nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, thực hiện công bằng xã hội trong từng bước phát triển... Tuy nhiên, cũng trong quá trình đổi mới đất nước, đã bộc lộ những bất cập, hạn chế trên nhiều lĩnh vực – điều đó đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới, hoàn thiện những “bộ công cụ”, những phương tiện xây dựng, phát triển xã hội; trong đó, việc xác lập được những nguyên tắc cơ bản - “bộ khung thép” trong quản trị xã hội là yếu tố cơ bản, tiền đề.

Khái niệm “quản trị xã hội” được đề cập đến ở đây là theo nghĩa *quản trị quyền lực nhà nước*, để không sản sinh ra độc tài cá nhân, độc tài nhóm; và trên hết, làm cho toàn thể xã hội, toàn thể nhân dân không chỉ có khả năng ngăn ngừa, mà còn có đủ quyền lực để loại trừ chúng.

Nhà nước là bộ máy quyền lực của xã hội, được xã hội ủy quyền để tổ chức và

quản lý, vận hành đời sống xã hội, dẫn dắt xã hội phát triển thông qua việc xác định, kiến tạo cơ chế, thiết chế, chính sách... Ở Việt Nam, mô hình nhà nước là Nhà nước pháp quyền XHCN. Vậy từ đâu xuất hiện yêu cầu kiểm soát quyền lực nhà nước pháp quyền XHCN? Có thể gọi tên những nguyên do sau:

Một là, kiểm soát quyền lực nhà nước bắt nguồn từ nguồn gốc và bản chất của Nhà nước pháp quyền XHCN. Với Nhà nước pháp quyền XHCN, quản trị xã hội được tiếp cận *chủ yếu* từ góc độ quyền lực nhà nước không phải là quyền lực tự có, mà là quyền lực của nhân dân; Nhà nước được nhân dân ủy quyền, nhân dân giao quyền, nghĩa là quyền lực nhân dân trở thành quyền lực nhà nước. Chính từ bản chất của Nhà nước đó mà xuất hiện, nảy sinh nhu cầu, đòi hỏi chính đáng và tự nhiên phải kiểm soát quyền lực nhà nước từ phía người ủy quyền - từ phía nhân dân. Mặt khác, nhận được sự ủy thác của nhân dân, quyền lực nhà nước lại thường vận động theo xu hướng tự phủ định mình, trở thành đối lập với chính mình lúc ban đầu - từ quyền lực của số đông/của nhân dân chuyển sang quyền lực của số ít/của một nhóm người/của một người. Theo cách nói của C.Mác thì đây là hiện tượng tha hóa *quyền lực nhà nước*.

Hai là, kiểm soát quyền lực nhà nước bắt nguồn từ vấn đề đạo đức, khả năng của

* TS. Đại học Quốc gia Hà Nội.

người thực thi quyền lực trong bộ máy nhà nước. Có một logic hết sức đơn giản: Quyền lực nhà nước được thực hiện thông qua bộ máy nhà nước - bộ máy nhà nước là do những con người cụ thể vận hành, mà hành động của con người luôn luôn chịu sự tác động của các loại tình cảm và dục vọng khác nhau, trong đó có cả thứ tình cảm và dục vọng tâm thường mạnh hơn lý tính, nhấn chìm lý tính. Một khi lý tính bị chi phối bởi các dục vọng, thói quen hay tình cảm, thì khả năng sai lầm trong hành động - cụ thể ở đây là thực thi quyền lực nhà nước càng lớn. Bên cạnh đó, con người bị điều khiển bởi nhiều khát vọng, trong đó có khát vọng về quyền lực vừa là mục tiêu, vừa là công cụ để đạt được các khát vọng khác. Hobbes nhấn mạnh: “Tinh thần vị kỷ trong loài người là một khát vọng không ngừng đối với quyền lực và điều này chỉ mất đi khi con người chết”¹. Trong khi đó, bản chất của con người là có thể thay đổi; do đó, không thể khẳng định người được ủy quyền luôn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Không chỉ có vậy, lao động quyền lực được thực hiện thông qua những con người cụ thể. Mà khả năng của con người là hữu hạn bắt nguồn từ sự hữu hạn của trí tuệ và lý tính của mình; từ đó, dẫn đến khả năng sai lệch trong nhận thức và thực thi quyền lực nhà nước, làm biến dạng quyền lực nhà nước theo chiều hướng bất lợi cho xã hội. Vì vậy, cần phải kiểm soát một cách chặt chẽ những con người làm việc trong bộ máy quyền lực nhà nước, nhằm phát hiện và xử lý khi những người này không còn xứng đáng với sự ủy quyền/tín nhiệm của nhân dân.

Ba là, kiểm soát quyền lực trong Nhà nước pháp quyền XHCN còn là tất yếu kỹ thuật, nhằm thực thi quyền lực ấy một cách hiệu quả. Quyền lực nhà nước nếu không được tổ chức thành hệ thống, tuân theo những nguyên tắc, cơ chế, quy trình nhất định và được thực thi bởi những con người cụ thể, thì quyền lực không phát huy được vai trò cần có của mình, không đủ năng lực, khả năng điều hành xã hội. Ngày nay, cùng với sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, xã hội càng trở nên hiện đại, tổ chức quyền lực nhà nước lại càng phải có sự phân công, phối hợp và kiểm soát. Đây là một yêu cầu khách quan do sự phân công lao động xã hội, do tính chuyên nghiệp hóa của hoạt động quyền lực. Ngoài ra, quyền lực nhà nước không phải là một đại lượng có thể cân, đong, đo, đếm... để từ đó có thể giao quyền một cách cụ thể, chi tiết. Tính không xác định rõ ràng của việc giao quyền lực là nguồn cội của sự lạm quyền, của mâu thuẫn chồng chéo hoặc trùng lặp trong quá trình thực thi quyền lực nhà nước giữa các cơ quan nhà nước, làm cho hiệu lực và hiệu quả thực thi quyền lực nhà nước bị hạn chế.

Bốn là, kiểm soát quyền lực trong Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam còn bắt nguồn từ đặc trưng Nhà nước Việt Nam do một Đảng duy nhất – Đảng Cộng sản lãnh đạo. Là Đảng cầm quyền, lãnh đạo toàn diện, triệt để, Đảng Cộng sản Việt Nam là hạt nhân của hệ thống chính trị. Để thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, quyền lực nhà nước được thể hiện bằng sức mạnh của bộ máy nhà nước trong việc, thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các chủ thể cấu thành hệ thống chính trị: Kiểm soát của

nhân dân đối với quyền lực nhà nước; kiểm soát quyền lực nhà nước bên trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; kiểm soát quyền lực giữa nhà nước ở Trung ương và quyền lực nhà nước ở địa phương; kiểm soát của chủ thể lãnh đạo nhà nước là Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước. Đây là sự kiểm soát chéo, nhằm mục đích đảm bảo cho tổ chức và hoạt động của Nhà nước vận hành nhịp nhàng, ăn khớp, thông suốt, không rơi vào tình trạng lạm quyền, dẫn đến tham nhũng; đến lượt mình, tham nhũng kích thích lạm quyền. Kiểm soát quyền lực của Nhà nước chính là hình thức biến khát vọng “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân” thành hiện thực, đem quyền lực ấy phục vụ con người, “tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân”².

2. Dân chủ - giá trị phổ quát của nhân loại và thời đại

Dân chủ theo nguyên nghĩa của nó là quyền lực của nhân dân, thuộc về nhân dân. Nội dung và ý nghĩa của “dân chủ” cũng như “nhân dân” (dân, công dân, cộng đồng, dân tộc, giai cấp...) có tính động, không tĩnh tại, không bất biến, biến đổi trong những điều kiện lịch sử, cụ thể, xác định chứ không trừu tượng, ở bên ngoài lịch sử.

C.Mác mô tả sức mạnh con người qua sự *sáng tạo, chủ động và làm chủ*. Sức mạnh ấy là vô biên, bởi nó có khả năng tạo ra một thiên nhiên thứ hai - đó là xã hội và lịch sử. Con người và loài người sáng tạo ra xã hội, lịch sử của mình theo quy luật của cái đẹp, thực hiện hoài bão được là CHÍNH MÌNH - là chủ và làm chủ bản thân, làm chủ xã hội,

thực hành và thụ hưởng DÂN CHỦ. Ngay từ đầu, dân chủ đã biểu hiện như một *sức mạnh bản chất của con người*, mang ý nghĩa *nhân tính và giá trị xã hội*. Khi xã hội xuất hiện giai cấp, trong thực tế, con người luôn bị thống trị bởi những thế lực trong chính xã hội con người. Theo nguyên lý phát triển, sự nô dịch con người trong xã hội bởi con người (những thế lực xã hội thống trị con người) sẽ dần bị thu hẹp, loại bỏ. Dân chủ là thuộc tính riêng có của đời sống con người, xã hội con người với lịch sử biến đổi đầy thăng trầm, liên tục hoặc đứt đoạn, song xu hướng phát triển của dân chủ cả về nội dung, mức độ và phạm vi là tất yếu, nó chiến thắng mọi thế lực, mọi sức mạnh phi nhân tính. Dân chủ là giá trị chung, phổ quát của mọi thời đại.

Dân chủ là một khái niệm chính trị - xã hội, thực chất phản ánh mối quan hệ *quyền lực - lợi ích* của các chủ thể trong xã hội. Vì vậy, dân chủ được tiếp cận chủ yếu từ phương diện chính trị. Dân chủ là tuyên bố chính thức về quyền tự do, bình đẳng của mọi công dân³. Như vậy, dân chủ là giá trị chung nhất của con người, của nhân loại và của hầu hết các thời đại, đặc biệt là đương đại. Song, dân chủ không bỗng dưng mà có; dân chủ không từ trên trời sa xuống. Dân chủ có với mỗi cá nhân, có trong xã hội loài người thông qua nỗ lực của chính con người bằng thể chế, thiết chế và cơ chế do con người xác lập. Thể chế và thiết chế càng văn minh, tiến bộ, dân chủ càng được đảm bảo, hiệu lực quyền lực của nhân dân càng cao.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến thiết chế và cơ chế làm chủ - làm chủ *cái gì*, làm chủ *như thế nào*, làm chủ

bằng cách nào, nhằm tạo điều kiện, cơ hội cho dân làm chủ. Nhà nước phải có thiết chế và cơ chế để người dân phát huy quyền làm chủ của mình. Và quan trọng hơn, thiết chế, cơ chế ấy phải hữu dụng và được thực hiện triệt để trong thực tiễn. Trong lịch sử nhân loại, cả cận đại và đương đại, không ít cơ chế dân chủ được xây dựng, được long trọng tuyên bố chỉ để mỹ dân, còn trong thực tế thì hoạt động trái ngược và kết quả tất yếu, dù sớm, dù muộn, cuối cùng cũng bị bóc trần và bị lật đổ. Đó là bài học chung cho cả nhân loại.

Ở Việt Nam, ngay từ khi Nhà nước ra đời, xây dựng nền dân chủ đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ khởi xướng và là mục tiêu hướng tới trong suốt những năm qua. Cũng ngay từ ban đầu và cả ở hiện tại, thực hành dân chủ và kiểm soát quyền lực nhà nước luôn được đặt ra. Về bản chất, mối quan hệ ấy đồng thời phản ánh quan hệ nhân dân với Nhà nước và Nhà nước với nhân dân:

Nhân dân thực hành quyền làm chủ trong việc tham gia kiểm soát quyền lực nhà nước thông qua các thiết chế xã hội.

Thiết chế xã hội "là khái niệm chỉ toàn bộ hệ thống tổ chức và hệ thống giám sát mọi hoạt động xã hội. Nhờ các thiết chế xã hội mà các quan hệ xã hội kết hợp lại với nhau, đảm bảo cho các cộng đồng hoạt động nhịp nhàng". Về mặt tổ chức, thiết chế xã hội là hệ thống các cơ quan quyền lực, các đại diện cho cộng đồng, đảm bảo những hoạt động đáp ứng những nhu cầu khác nhau của cộng đồng và cá nhân. Ngoài việc giám sát của các hệ thống tổ chức, còn có hệ thống giám sát không theo hình thức có tổ chức. Đó là

phong tục, tập quán, dư luận, luôn luôn đánh giá và điều chỉnh hành vi của các thành viên trong cộng đồng. Như vậy, có thể hiểu rằng, hệ thống thiết chế xã hội gồm hai yếu tố cấu thành căn bản: 1) Hệ thống tổ chức; 2) Hệ thống giá trị chuẩn mực. Vị trí, vai trò của hai yếu tố này trong kiểm soát quyền lực của nhà nước quan trọng như nhau, có giá trị bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau.

Thực hiện dân chủ và bảo đảm dân chủ là một công việc không hề dễ dàng, nó liên quan đến cơ chế, tập quán, truyền thống, thậm chí là thói quen của con người, của cộng đồng người. Nó đòi hỏi ý thức về dân chủ, với năng lực thực hành dân chủ và những điều kiện đảm bảo cho sự phát triển cả ý thức và năng lực đó ở mỗi cá nhân và cộng đồng dân cư phát triển ở mức độ cao và ngày càng hoàn hảo. Nhìn chung, thực hành dân chủ là một sự liên kết xã hội, hình thành năng lực xã hội để phát triển trong sự tác động qua lại giữa quyền và nghĩa vụ. Cũng từ đây, xuất hiện những đòi hỏi cao về năng lực và đạo đức đối với cá thể người – con người trong quá trình tham gia vào hoạt động quản lý, vào đời sống chính trị-xã hội, vào các công việc của Nhà nước, của các tổ chức chính trị-xã hội. Đó trước tiên là những yêu cầu về ý thức chính trị, năng lực chính trị, bản lĩnh chính trị của mỗi công dân trong tư cách *con người chính trị* của nó. Chỉ có những con người có phẩm chất chính trị, thấm đẫm những tư tưởng, nhận thức đúng đắn về dân chủ, có ý thức xã hội, tôn trọng nhân cách... mới có thể tham gia kiểm soát quyền lực nhà nước một cách thực sự, hữu hiệu thông qua chế độ ủy quyền, phương thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp.

Có như vậy, sẽ đảm bảo cho sự bình đẳng, tự do, sáng tạo nhìn từ phương diện nhân văn xã hội, văn hoá và đạo đức – những biểu hiện tập trung, cao nhất của dân chủ.

Nhà nước quản trị đời sống xã hội, đảm bảo dân chủ trong thực hành quyền lực thông qua các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Pháp luật là một trong những công cụ và phương tiện quản lý chủ yếu nhất của nhà nước. Pháp luật là một trong những yếu tố cấu thành nội dung của dân chủ, nó thuộc về cấu trúc nội tại của dân chủ. Pháp luật là giới hạn của dân chủ trong các thể chế nhà nước. Pháp luật xác định hành lang vận động của dân chủ, của công dân cũng như của xã hội, của cả *bản thân nhà nước*. Để tạo cơ sở cho thực hành và phát triển dân chủ, không có con đường nào khác ngoài con đường xây dựng một nhà nước pháp quyền, quản lý xã hội bằng pháp luật; trong đó, các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp phải được *phân định rành mạch*. Phân định rành mạch các quyền nói trên chính là tránh để nhà nước không “vừa đá bóng, vừa thổi còi”, là điều kiện quan trọng, thiết yếu để kiểm soát quyền lực nhà nước triệt để.

3. Phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước

Trên thực tế trải qua gần 70 năm xây dựng Nhà nước Việt Nam – “nhà nước của dân, do dân, vì dân”, “chỉ có một mục đích là phục vụ nhân dân”, “thực hành quyền làm chủ của nhân dân” và từ những năm 90 của thế kỷ XX, tư tưởng nhà nước pháp quyền được thể hiện rõ trong hệ thống luật pháp⁴, song lại có hiện tượng ở nhiều nơi, nhiều lúc

dân chủ bị vi phạm nghiêm trọng; thậm chí tệ quan liêu, tham nhũng gây phiền hà cho nhân dân trở nên phổ biến, làm “nhem nhuốc” mối quan hệ công dân và nhà nước, gây ra những “chấn thương tâm lý” xã hội, bào mòn lòng tin của người dân về bản chất của chế độ. Không chỉ có vậy, sự lũng đoạn của nhóm lợi ích đang ở mức độ báo động, gây ra những hậu quả vô cùng to lớn đối với đất nước, xã hội, con người, tạo ra nguy cơ gây suy yếu đất nước từ bên trong, bị đe dọa từ bên ngoài. Đó là những bằng chứng đối lập với dân chủ, có nguyên nhân gốc rễ từ việc tha hóa quyền lực nhà nước, từ việc bê trễ ***kiểm soát quyền lực nhà nước***. Vậy nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực nhà nước bằng con đường nào? Nhìn tổng quát, có hai phương thức chủ chốt:

Thứ nhất, bằng sức mạnh của nhân dân. Trong xã hội dân chủ, mỗi cá thể đơn lẻ cũng như cộng đồng xã hội đều là chủ thể của quyền lực nhà nước. Nhân dân trao quyền/ủy quyền cho nhà nước quản lý xã hội thông qua pháp luật. Do vậy, Nhà nước - nhân dân; nhân dân – Nhà nước quan hệ, tác động, kiểm soát lẫn nhau thông qua pháp luật; trong đó, nhà nước và công dân bình đẳng trong thực hiện pháp luật. Tuy nhiên, đây chính là yêu cầu khó thực hiện nhất, là “điểm nghẽn” trong thực hành và bảo đảm dân chủ. Quan hệ giữa nhân dân – Nhà nước thường xuyên là mối quan hệ bất đối xứng, bất bình đẳng mà ở đó sự bất bình đẳng, tất nhiên, thường thuộc về phía nhân dân.

Trong quan hệ bất bình đẳng giữa nhân dân với nhà nước ở điều kiện xã hội hiện đại và Việt Nam thì bất bình đẳng về thông tin là một trong những bất bình đẳng phổ biến,

gây ra những bất cập to lớn, hạn chế quyền làm chủ của người dân. Bất bình đẳng về thông tin giữa dân chúng và Nhà nước tạo ra những cơ hội cho các công chức lạm dụng quyền lực, trục lợi riêng. Bất bình đẳng về thông tin giữa dân chúng và Nhà nước còn tạo ra những công dân “mù chính trị”, không chỉ mất khả năng thụ hưởng quyền lợi, mà thậm chí còn không thể thực hiện nghĩa vụ - làm tổn hại trực tiếp đến hoạt động xã hội, đến hoạt động điều hành xã hội của nhà nước. Do vậy, *minh bạch hóa thông tin* là yêu cầu tối thiểu cho tiến bộ xã hội, cho nâng cao trình độ dân trí, cho giác ngộ chính trị, dân chủ, cho thực hành và đảm bảo dân chủ.

Nếu minh bạch hóa thông tin là yêu cầu đầu tiên, thì hoàn thiện phương thức thực hiện dân chủ trực tiếp⁵, hoàn thiện chức năng của các tổ chức dân sự là yêu cầu cao hơn, trực tiếp chi phối, quyết định đối với thực hành và đảm bảo dân chủ của người dân. Đối với hoàn thiện dân chủ trực tiếp, hai nội dung: Trưng cầu dân ý; miễn nhiệm, bãi miễn Hội đồng nhân dân các cấp⁶ là hết sức quan trọng, cần được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên. Đối với hoàn thiện chức năng các tổ chức dân sự, cần chú ý hoàn thiện chức năng giám sát xã hội và phản biện xã hội trên nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đó chính là phương thức cần thiết để bảo đảm quyền tự quản, quyền tham gia quản lý xã hội của nhân dân ở cộng đồng vì mô vốn thường xuyên nảy sinh những điều bất thường, tất nhiên và ngẫu nhiên. Hoàn thiện phương thức thực hiện dân chủ trực tiếp, hoàn thiện chức năng của các tổ chức dân sự chính là

khắc phục căn bệnh hành chính trong quản lý phát triển xã hội, sử dụng tiếng nói của người dân, của xã hội như một “áp lực xã hội” buộc Đảng, Nhà nước phải biết lắng nghe, biết mở rộng quyền lực cho dân chúng, nhằm tiếp thêm sinh khí cho hoạt động quản trị xã hội, không rơi vào tha hóa quyền lực.

Thứ hai, xây dựng thiết chế, cơ chế hoạt động của Nhà nước một cách khoa học. Tha hóa quyền lực nhà nước thường xuất hiện do nguyên nhân nội tại của bản thân bộ máy nhà nước, trước tiên là do cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước yếu kém. Do vậy, xây dựng cơ chế giám sát hữu hiệu trong bản thân bộ máy nhà nước là thao tác đầu tiên để kiểm soát quyền lực nhà nước. Đây cũng là hình thức kiểm soát quyền lực nhà nước quan trọng nhất, hiệu quả nhất và ít tốn kém nhất. Nội dung căn bản của việc kiểm soát quyền lực nhà nước từ bên trong là giải quyết mối quan hệ phân công, phân quyền giữa các cơ quan nắm giữ quyền lực nhà nước; trong đó, vấn đề phân định, kết hợp các quyền lập pháp⁷, hành pháp⁸ và tư pháp⁹ là nội dung cốt lõi, nhằm: *Một mặt*, đảm bảo những điều kiện cơ bản để nhân dân giao quyền mà không bị lạm quyền, nhân dân kiểm soát, đánh giá được hiệu lực và hiệu quả thực hiện các quyền mà mình đã giao; *mặt khác*, làm cho các cơ quan tương ứng được giao quyền đề cao trách nhiệm trong việc thực thi quyền lực nhà nước và tự kiểm tra việc thực hiện quyền lực nhà nước được giao của mình. Vì thế, phân công quyền lực nhà nước là cơ sở, là đòi hỏi khách quan để thực hiện kiểm soát quyền lực nhà nước. Sự phân định và kết hợp ba quyền lập pháp,

hành pháp, tư pháp giúp cho: 1) Các cơ quan hành pháp và tư pháp làm đúng, làm đủ nhiệm vụ quyền hạn được giao, hạn chế lạm quyền; 2) Chính phủ quản lý đất nước hữu hiệu, trở nên nhanh nhạy, quyết đoán, hành động kịp thời; 3) Nhà nước và nhân dân sống, hành động tuân theo pháp luật. Pháp luật trở thành quyền lực tối thượng, bất phân quan chức cấp cao hay dân thường, Nhà nước hay công dân đều bình đẳng trước pháp luật.

Quyền lực nhà nước được thực thi thông qua những con người cụ thể. Do vậy, con người trong bộ máy nhà nước phải được tuyển dụng công khai, minh bạch, dựa trên những bộ tiêu chí khoa học, tiến bộ, phù hợp chức năng hoạt động và thực tiễn. Cần đặc biệt chú ý trong tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm đối với các vị trí quản lý, lãnh đạo các cấp. Phải có quy định pháp lý cụ thể về trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu (không thể chỉ có trách nhiệm tập thể và do đó cá nhân người đứng đầu chỉ chịu trách nhiệm chính trị). Với nét tâm lý phổ biến của người Việt Nam trong hoạt động là thường nhìn sang ngang – nhìn nhau, nhìn lên trên – nhìn vào cấp trên, chứ ít khi nhìn vào pháp luật, nên vai trò “người đứng đầu” – người bắt nhịp, cầm nhịp có thể nói là hết sức quan trọng và có tính quyết định. Chống tham nhũng, chống chuyên quyền, độc đoán cần gắn chặt với trách nhiệm người đứng đầu. “Người đứng đầu”, trước hết là 22 bộ trưởng, 63 chủ tịch tỉnh, thành phố và người lãnh đạo cơ quan các cấp – cần tăng cường kiểm tra, giám sát những “đầu mối” này, thưởng, phạt

ng nghiêm minh; đặc biệt, cần xây dựng “văn hóa từ chức”.

Ở Việt Nam hiện nay, cũng như ở nhiều quốc gia trên thế giới, muốn xây dựng, thực hành và đảm bảo dân chủ, đảm bảo lợi ích và quyền làm chủ của người dân, phải chú trọng tính đồng bộ trong xây dựng, vận hành cơ chế, thể chế, thiết chế hoạt động của xã hội, Nhà nước. Từ luật pháp, chính sách, bộ máy công quyền, trình độ hiểu biết, ý thức về luật pháp và dân chủ của dân, phẩm chất đạo đức và năng lực của người cầm quyền, của đội ngũ công chức, viên chức thực thi công vụ... đều phải được chấn chỉnh, hoàn thiện và kiểm tra, giám sát bằng những công cụ hiệu quả. Kiểm soát quyền lực nhà nước phải trên cơ sở thống nhất về quyền lực nhà nước ở chủ thể cao nhất (nhân dân) và nguyên tắc phân công quyền lực nhà nước trong bộ máy nhà nước, nhằm tạo nên sự *cân bằng quyền lực* giữa các cơ quan công quyền thuộc các nhánh quyền lực nhà nước đi đôi với ngày càng mở rộng và thực hiện quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân trong vai trò giám sát và phản biện chính sách xã hội, hoạt động của Nhà nước.

Dân chủ chính là hoạt động bản chất người của con người xã hội, sự định hướng và lựa chọn các giá trị phát triển của con người, cá nhân và cộng đồng, sự xây dựng thể chế và tìm kiếm cơ chế vận hành của nó. Dân chủ thể hiện trong nó một tập hợp các mối quan hệ: Công dân - Nhà nước, cá nhân - xã hội, thành viên - cộng đồng được chi phối bởi quyền, lợi ích với nghĩa vụ, bổn phận, trách nhiệm và được kiểm soát, chi phối bằng pháp luật, đạo đức, văn hóa trong thực hiện các mối quan hệ trên tất cả các

lĩnh vực của đời sống con người, đời sống xã hội. Cột trụ của dân chủ chính là nhà nước với hệ thống luật pháp của nó (nội dung và thực hiện) và sinh khí, năng lượng của dân chủ chính là trình độ dân trí, ý thức và trình độ làm chủ của dân chúng được khơi thông, được nâng cao. Chỉ như vậy, dân chủ mới trở thành thực tế chứ không dừng ở mong muốn, ý nguyện, khát vọng, lý thuyết.

Chú thích

1. Hobbes. *Leviathan*, Harmondsworth, Penguin, 1968, p.161 (trích theo bài *Kiểm soát quyền lực nhà nước trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* của GS.TS. Trần Ngọc Đường - Văn phòng Quốc hội, đăng tại trang Web: VLV 5/9/2011 – hoặc ncpl.org.vn).
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 238.
3. Xem: *Từ điển Triết học*, 1986. Nxb.M.,.
4. Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII năm 1997 đưa ra khái niệm Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân; Đại hội X (2006) phát triển thành khái niệm Nhà nước pháp quyền XHCN.
5. Dân chủ trực tiếp: Trưng cầu dân ý; chế độ bầu và bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân (các cấp và quốc hội); hỏi ý kiến nhân dân, đưa ra dân thảo luận các chủ trương, chính sách, các quyết định quản lý; khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại tố cáo của nhân dân, đơn thư dân nguyện; chế độ công khai báo cáo công việc trước dân của các cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước; nhân dân có quyền bàn bạc và quyết định trực tiếp những vấn đề phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, an ninh trật tự... trên địa bàn địa phương, cơ sở.
6. Trong đó chú trọng làm rõ hơn vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp ở những nội dung: Làm rõ quyền hạn của nó trong miễn nhiệm, bãi miễn mà còn có quyền bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu ra; không chỉ giám sát cơ quan hành chính cùng cấp mà còn có quyền giám sát những công việc do cấp trên thực hiện trên địa bàn, địa phương mình.
7. Quyền lập pháp là quyền đại diện cho nhân dân thể hiện ý chí chung của quốc gia. Những người được nhân dân trao quyền này là những người do phổ thông đầu phiếu bầu ra hợp thành cơ quan gọi là Quốc hội. Thuộc tính cơ bản, xuyên suốt mọi hoạt động của quyền này là đại diện cho nhân dân, bảo đảm cho ý chí chung của nhân dân được thể hiện trong các đạo luật mà mình là cơ quan duy nhất được nhân dân giao quyền biểu quyết thông qua luật là quyền lập pháp; đồng thời, là người thay mặt nhân dân giám sát tối cao mọi hoạt động của Nhà nước, nhất là hoạt động thực hiện quyền hành pháp.
8. Quyền hành pháp là quyền tổ chức thực hiện ý chí chung của quốc gia do Chính phủ đảm trách. Thuộc tính cơ bản, xuyên suốt mọi hoạt động của quyền này là quản lý nhà nước (hay cai trị) mà thực chất là tổ chức thực hiện pháp luật để bảo đảm an ninh, an toàn và phát triển xã hội.
9. Quyền tư pháp là quyền xét xử, được nhân dân giao cho Tòa án và các cơ quan tư pháp, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là nguyên tắc xuyên suốt và cao nhất trong tổ chức thực hiện quyền này. Mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức không được phép can thiệp vào hoạt động xét xử của Tòa án. Đây thực chất là quyền bảo vệ ý chí chung của quốc gia bằng việc xét xử các hành vi vi phạm Hiến pháp, pháp luật từ phía công dân và cơ quan nhà nước.